TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2020/DS-PT
Ngày: 05 – 02 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thụ lý số: 180/2019/DSPT ngày 30/12/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1952 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm: 1992 (có mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện B, T phố Hồ Chí Minh.
Người kháng cáo: Bị đơn ông Đào Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Nguyễn Minh H trình bày: Do vợ chồng bà

Nguyễn Thị Như H1 (con gái) và ông Đào Văn T (con rể) của ông xây nhà dẫn đến thiếu nợ người khác nên vào ngày 01/7/2013, ông vay tiền của Ngân hàng và cho H1 cùng T vay lại số tiền 310.000.000 đồng. Khi cho vay không có viết giấy, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 0,7%/tháng (theo lãi suất Ngân hàng cho ông H vay). Quá trình vay, ông T và bà H1 đã trả cho ông được số tiền lãi là 19.530.000 đồng. Tuy nhiên, từ năm 2016 cho đến trước khi ông T và bà H1 ly hôn, ông đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông T và bà H1 vẫn không trả cho ông khoản tiền gốc và tiền lãi nào thêm.

Vì vậy, nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L buộc bà Nguyễn Thị Như H1 và ông Đào Văn T liên đới trả cho ông số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi được tính cụ thể như sau: 8,4%/năm x 310.000.000 đồng x 06năm (tính từ tháng 1/7/2013 cho đến ngày 01/7/2019) = 156.240.000 đồng trừ số tiền lãi đã trả là 19.530.000 đồng = 136.710.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông yêu cầu ông T và bà H1 phải liên đới trả cho ông là 446.710.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – ông Đào Văn T trình bày: Do bà H1 thiếu nợ tiền của người khác nên vào đầu tháng 7 năm 2013, ông H có gọi ông và bà H1 đến nhà ông H và ông H nói cho tiền để trả nợ. Ông H đã đưa cho ông và bà H1 số tiền 320.000.000 đồng, đến ngày hôm sau thì ông H đến nhà ông lấy lại 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông H cho bà H1 để trả nợ thực tế là 310.000.000 đồng. Sở dĩ có việc ông H cho tiền trên để bà H1 trả nợ là vì sau khi ông cưới bà H1, ông H có hứa cho đất ông và H1, tuy nhiên do bà H1 thiếu nợ nên ông H cho tiền trả nợ, bù lại thì ông H không cho đất ông và bà H1 nữa.

Sau khi ông H cho tiền thì bà H1 có nói lại với ông là phụ tiền cho ông H đóng tiền lãi Ngân hàng và ông có đưa tiền cho bà H1 để bà H1 đưa lại cho ông H đóng tiền lãi, số tiền phụ ông H đóng tiền lãi Ngân hàng là 19.530.000 đồng.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông liên đới cùng bà H1 trả cho ông H số tiền gốc và lãi tổng cộng là 446.710.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông H không có cho ông và bà H1 vay tiền mà ông H cho tiền để bà H1 trả nợ riêng.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 30/8/2019 bị đơn – bà Nguyễn Thị Như H1 trình bày:*Vào ngày 01/7/2013, bà và ông Đào VănT có vay của ông Nguyễn Minh H 310.000.000 đồng để trả nợ chung của vợ chồng. Lý do bà và ông T thiếu nợ là vì trước đó bà có vay tiền của người khác để sử dụng vào mục đích làm ăn, buôn bán chung của vợ chồng. Nay bà đồng ý liên đới cùng với ông T trả cho ông Nguyễn Minh H tổng số tiền gốc và tiền lãi là 446.710.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm d khoản 1 Điều 688 và Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015*;* Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H.

Buộc ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Như H1 liên đới trả cho ông Nguyễn Minh H tổng số tiền 446.710.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười ngàn đồng), trong đó: Tiền gốc là 310.000.000 đồng và tiền lãi là 136.710.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2019, bị đơn ông Đào Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đào Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đào Văn T, bà Nguyễn Thị Như H1 trả cho ông H số tiền gốc 310.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, đồng thời yêu cầu ông Th phải trả ½ số tiền trên trong thời hạn 01 tuần. Bị đơn ông Th, bà H1 thống nhất mỗi người trả cho ông H số tiền 155.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T yêu cầu được trực tiếp giao số tiền mà ông có trách nhiệm trả cho bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về nội dung tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đào Văn T, bà Nguyễn Thị Như H1 trả cho ông H số tiền gốc 310.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, thời hạn trả 07 ngày. Đồng thời bị đơn ông Đào Văn T, bà Nguyễn Thị Như H1 cũng thống nhất mỗi người chịu trách nhiệm trả 155.000.000 đồng, ông T sẽ trả thông qua bà H1.

Xét, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp là số tiền 310.000.000 đồng, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận, do đó cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần này. Riêng yêu cầu của ông H về thời hạn trả và yêu cầu của ông T về cách thức trả không được ông H, ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí được tính lại như sau: Ông Nguyễn Minh H không phải chịu. Ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Như H1 mỗi người phải chịu số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn T;

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H và bị đơn ông Đào Văn T, bà Nguyễn Thị Như H1 về những nội dung sau:

Bị đơn ông Đào Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Như H1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp án án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh H không phải chịu. Ông Đào Văn T phải chịu số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Như H1 phải chịu số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0000574, quyển số 0012 ngày 29/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THA huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh